

Tên: .....

Ngữ pháp HW: .....

Lớp: S2...

Độc HW: .....

Ngày giao bài: Thứ ..., ngày .../....

Ngày nộp bài: Thứ ..., ngày .../....

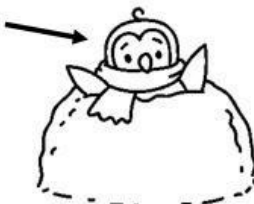
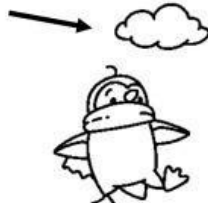
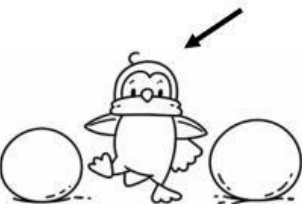
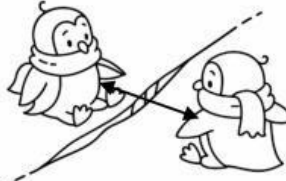


## GE2 - Unit 6: All about bugs - Grammar 1 & Starters Reading

### A. THEORY

#### I. GRAMMAR: Prepositions (Các giới từ)

- Cách dùng: chỉ vị trí của vật/người so với vật/người khác.

|                                                                                                                        |                                                                                                                                             |                                                                                                                                            |                                                                                                                     |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br><b>in</b><br>bên trong            | <br><b>on</b><br>bên trên (ở bề mặt và tiếp xúc trực tiếp) | <br><b>above</b><br>bên trên (cao hơn và không chạm vào) | <br><b>between</b><br>ở giữa     |
| <br><b>in front of</b><br>phía trước | <br><b>under</b><br>bên dưới                              | <br><b>behind</b><br>phía sau                           | <br><b>opposite</b><br>đối diện |

### II. STARTERS READING

#### 1. Extra vocabulary

##### ❖ CLASSWORK

| No. | Word                 | Meaning |
|-----|----------------------|---------|
| 1   | <b>motorbike</b> (n) | xe máy  |

##### ❖ HOMEWORK

| No. | Word                | Meaning    | No. | Word            | Meaning |
|-----|---------------------|------------|-----|-----------------|---------|
| 1   | <b>cupboard</b> (n) | tủ đựng đồ | 2   | <b>hair</b> (n) | tóc     |

\***Note:** n = noun: danh từ.

\*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi (áp dụng cho phần Extra vocabulary).

2. Look at the pictures. Look at the letters. Write the words.

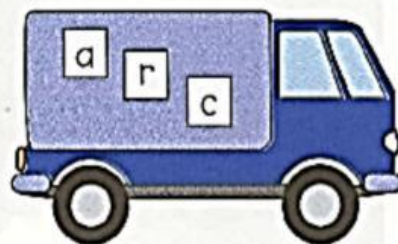
(Nhìn tranh. Nhìn các chữ cái. Viết các từ.)

STARTERS PART 3 - 5 questions

Example



c a r

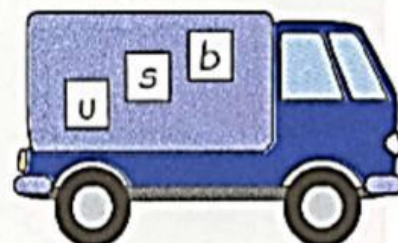


Questions

1



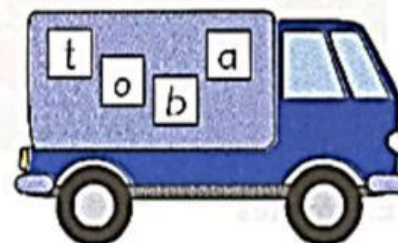
---



2



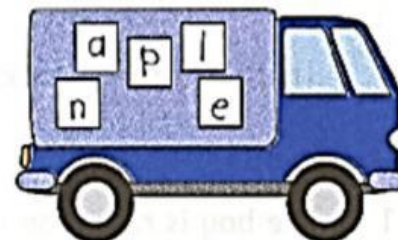
---



3



---



4



---



5



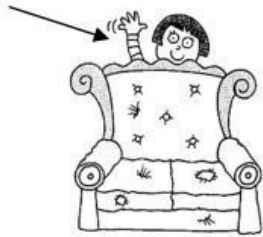
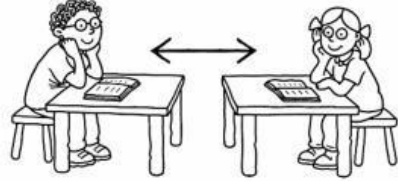
---



## B. HOMEWORK (16 questions)

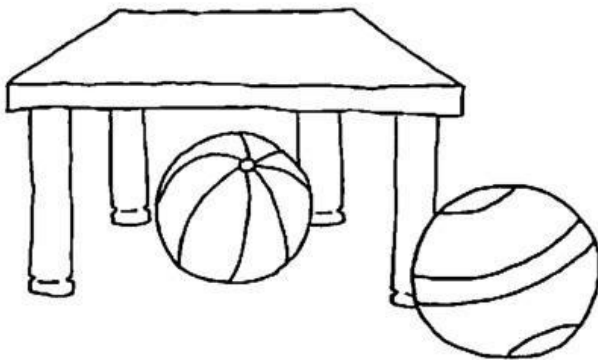
**Exercise 1. Use the words below to write the correct preposition for each picture.**

(Sử dụng các từ dưới đây để viết giới từ đúng cho mỗi bức tranh.)

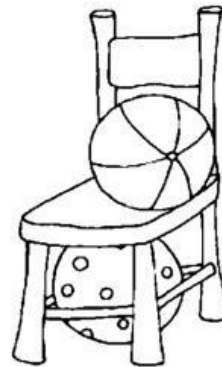
| #                                                                                   | in front of  | on | opposite | between | behind |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----|----------|---------|--------|
|    | 0. <u>in</u> |    |          |         |        |
|    | 1. ....      |    |          |         |        |
|  | 2. ....      |    |          |         |        |
|    | 3. ....      |    |          |         |        |
|    | 4. ....      |    |          |         |        |
|  | 5. ....      |    |          |         |        |

**Exercise 2. Look, read and colour. (Nhìn, đọc và tô màu.)**

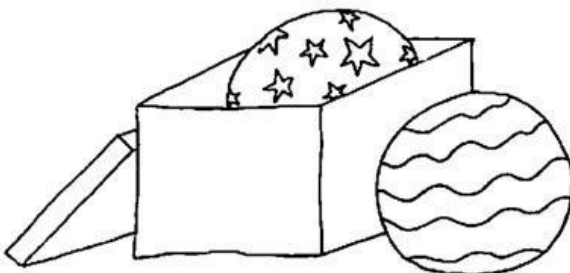
1. Colour the ball **under** the table.



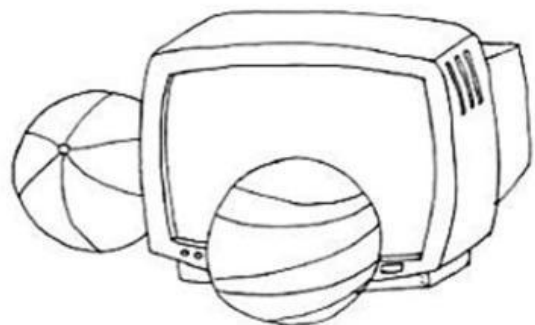
2. Colour the ball **on** the chair.



3. Colour the ball **in** the box.

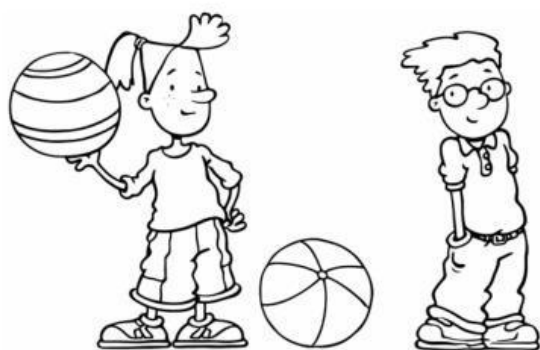


4. Colour the ball **in front of** the TV.

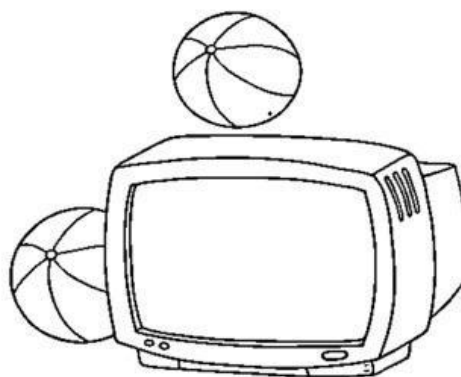




5. Colour the ball **between** the boy and the girl.



6. Colour the ball **above** the TV.



**Exercise 3. Fill in the blanks using the prepositions in the box.**

(Điền vào chỗ trống sử dụng các giới từ trong bảng.)

|    |    |             |        |       |         |
|----|----|-------------|--------|-------|---------|
| on | in | in front of | behind | under | between |
|----|----|-------------|--------|-------|---------|



0. The dinosaur is on the cupboard.

1. The fish are swimming ..... the water.

2. The teddy bear is ..... the table.

3. The ball is ..... the cupboard.

4. The car is ..... the table.

5. The bed is ..... the cupboard and the table.

**CAMBRIDGE READING PRACTICE**  
**STARTERS PART 3 - 5 questions**

Look at the pictures. Look at the letters. Write the words.

**Example**



f a c e



**Questions**

1



-----



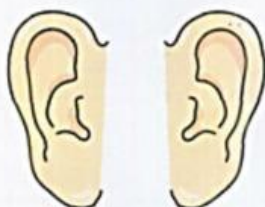
2



-----



3



-----



4



-----



5



-----

